

## Câu Đối Cũ – Câu Đối Mới

Diệp Kim Kỳ

Câu đối Việt Nam là loại hình văn học độc đáo. Những thể loại văn học khác cần có nhiều ngôn từ, điển cố để diễn tả, minh họa. Câu đối chỉ có hai câu, bố trí theo chiều thẳng đứng hoặc nằm ngang, nhiều lắm có thể dăm ba chục từ, ít nhất dăm từ. Tuy vậy, đọc lên, người đọc người nghe vẫn cảm nhận sâu sắc ý tứ mà người ra đề, người đối - gửi gắm.

Từ khi nước Việt có văn tự, các nhà văn hóa, vua quan, thầy giáo, học trò - bắt đầu sáng tác câu đối. Phải đến đời vua Lê Thánh Tông - câu đối mới trở thành món ăn tinh thần của người yêu văn chương và được phổ biến rộng rãi. Sử sách còn ghi lại nhiều câu đối của nhà vua sáng tác khi ngài trị vì. Tương truyền, ngài thường vi hành - đi thăm dân cư sau đó về ra các quyết sách phù hợp lòng dân.

Một năm kia - vào tối 30 Tết - Ngài cải trang thành thư sinh cùng một thị vệ đóng vai thơ đồng đi tìm hiểu dân gian đón Tết. Dân Việt có câu tục ngữ từ bao đời: Đối ngày giỗ cha, no ba ngày Tết. Dù cả năm ăn đói mặc rách, nhưng ngày Tết nhà nào cũng cố sắm sửa cho con cái mình được bữa no, có tấm áo lành, đẹp để mặc.

Khi Ngài đến cuối một phố nhỏ, vắng - trong kinh thành Thăng Long - thấy có một túp lều, cửa đóng im ỉm, lạnh tanh. Viên thị vệ tiến lên đánh tiếng, mãi sau mới thấy có một người đàn ông về ngái ngủ ra nhấc tấm phen che. Nhà vua bắt chuyện, hỏi... người kia than phiền: Nghèo đến độ chỉ đủ hai bữa cơm hàng ngày, không có dư để mua sắm Tết. Ngạc nhiên - vì ngài thường được các quan trong triều tâu sớ rằng con dân của ngài sung túc - giờ thấy người kia nói vậy, ngài lạ lùng, hỏi: Anh làm nghề gì? Có chịu khó làm việc không? - Bẩm, con làm nghề... hót phân. Hàng ngày đi từ sáng sớm đến tối mịt, chỉ hót được hai nửa thúng, đem bán cho các chủ ruộng, mua vừa đủ hai bữa gạo ăn, bây giờ không có tiền để sắm Tết. Nhà vua nghe xong thương cảm, bảo người thị vệ mừng tuổi cho anh ta ít tiền đoạn sẵn giấy bút mang theo Ngài viết cho đôi câu đối:

Khoác một áo bào, đảm đang khó khăn thiên hạ

Vung ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian.

Khẩu khí như của một ông Nguyên Soái chuẩn bị ra trận. Nào chiến bào, nào kiếm, nào gánh vác thiên hạ trên hai vai. Đủ cả. Thế nhưng nhìn người hót phân cũng thấy đúng các trang phục này:

Áo bào chính là áo tơi khoác ngoài, che mưa nắng, rét mướt - vì cấu trúc, hình thể của chúng hoàn toàn giống y trang. Chỉ khác: Một làm bằng lụa quý thêu kim tuyến, còn một làm bằng lá gồi - thứ lá cây dùng làm nón và lợp nhà dành cho dân nghèo.

Trên vai của nguyên soái gánh trọng trách của tổ quốc giao: Chiến thắng. Còn anh chàng hót phân thì gánh đôi sọt, đôi thúng đựng phân.

Tay Nguyên soái cầm kiếm giết giặc, còn tay anh hót phân cầm cào, xẻng để hót những đồng phân người, phân súc vật vương vãi trên đường.

Vừa làm sạch lại vừa để bón cho lúa, hoa màu tốt tươi.

Thời xưa, nghề hót phân là nghề mặt hạn nhất. Đến độ, khi dạy con cái, bố mẹ, ông bà thường đem nghề này ra "dọa" trẻ: "Không chịu học hành, dốt nát, sau này lớn lên chỉ đi hót cứt".

Dưới mắt của Minh Quân Lê Thánh Tôn, người làm nghề thấp hèn, bản thủ nhất đã trở nên quan trọng: Chức vị khác nhau rất xa nhưng ý nghĩa của công việc thì ông Nguyên soái và chàng hót phân gần... giống nhau. Còn gì vĩ đại bằng người thu phục được "nhân tâm - lòng dạ" thiên hạ! Đó là ước nguyện, hành động của các đế vương!

Tiếp theo, nhà vua đến một ngôi nhà ở phố khác.

Theo phong tục, người chủ nhà cùng đưa con lớn ra chào khách xông nhà. Gia chủ này có vẻ khá hơn người hót phân, tuy cũng không hơn nhiều vì đến giờ tất niên mà nhà ông ta vẫn còn la liệt những mảnh vải đang nhuộm dở phơi trên dây. Biết khách là học trò, ông chủ nhà xin thầy cho đôi câu đối lấy may, đoạn sai cậu con trai mang giấy, bút, phẩm mực đến. Nhà vua quan sát, suy nghĩ đoạn viết:

Thanh hoàng ngã thủ giai thiên hạ

Triều trung chu tử tổng ngô gia.

Dịch:

Xanh vàng thiên hạ đều tay tớ

Đỏ tía triều đình bởi cửa ta.

Ông thợ nhuộm thì trong nhà phải có phẩm mực đầy màu sắc. Nhưng quan trọng là: Dù làm nghề thấp hèn, nhưng ông đã tô điểm ngay cho cả triều đình, vua quan. Họ đã từ tay ông mới trở nên danh giá!

Hai đôi câu đối này được hai gia chủ treo ở cửa nhà đón Xuân.

Thăm báo của triều đình thấy khẩu khí có vẻ lộng ngôn, ngạo mạn, phạm thượng... vội về tâu trình thượng cấp trị tội. Sau khi biết rõ ngọn nguồn... các quan đại thần vô cùng cảm phục minh quân của mình. Hai gia chủ kia lập tức được nhận ân sủng: Con trai ông thợ nhuộm được ngay một quan đại thần, đem con gái gả cho. Còn người hót phân thì chức sắc địa phương cấp ruộng công điền... và lộc vua ào ào đổ đến. Thiên tử đến nhà là phúc lớn không chỉ cho cá nhân mà còn là ơn mưa móc của trời đất tưới cho cả vùng.

Các thế kỷ sau, triều đại khác, câu đối càng phát triển. Đến thời cận đại, các nhà Nho yêu nước ngoài sang tác các tác phẩm văn xuôi, thơ phú, câu đối vẫn được phát triển song song. Thời đại Cụ Nguyễn Khuyến sống - là một thí dụ. Cũng học theo phong cách của vua Lê Thánh Tôn, cụ Tam Nguyên Yên Đỗ lấy ngay đề tài quanh mình sáng tác. Làng xóm có việc, cư dân trong vùng, ma chay, giỗ chạp, cưới xin... đều đến xin cụ cho Câu đối, Đại tự, Hoành phi về kính cẩn treo trong nhà, ở nơi thờ cúng trang nghiêm.

Một gia đình làm nghề thợ nhuộm, chồng chết, người vợ đến xin đôi câu đối để viếng chồng, cụ cho:

Thiếp từ thuở lá Thắm xe duyên:

Khi vận Tía, lúc con Đen,

Điều đại điều khôn nhờ bố Đỏ.

Chàng chàng hơi suôi Vàng có biết:

Vợ má Hồng, con răng Trắng,

Tím gan tím ruột với trời Xanh.

Đó chính là tóm tắt toàn bộ màu sắc mà ông thợ nhuộm tạo ra cho bàn dân thiên hạ dùng. Chỉ bằng đôi câu đối, Cụ Tam Nguyên đã nói đến 10 màu sắc. Nhưng đọc xong người đọc cũng chia sẻ nỗi đau với người đàn bà góa bụa và đàn con đại...

Ông Hàng Giát (Giết lợn) đến xin, cụ viết:

Tứ thời bát Tiết canh chung thủy.

Ngạn liễu đôi Bò dục diễm trang.

Lại một đặc tính khác của người làm nghề mổ lợn. Tiết canh (Tiết cùng cổ hũ, các loại rau thơm...) , Bò dục (để nấu cháo) - là hai bộ phận cơ thể của con lợn được dân ta chế biến thành món ăn khoái khẩu.

Người đánh dậm nghèo rớt mồng tơi thì cụ cho đôi câu đối hỗn hợp Hán-Nôm:

Nhất cận thị, nhị cận giang, thổ địa tích tãng xương tị Ốc.

Giàu ở làng, sang ở nước, nhờ trời nay đã vênh râu Tôm.

Đánh Dậm - một cách đánh bắt tôm cá trên sông nước của dân nghèo, chỉ bắt được ốc, tôm, tép, cá lòng tong.  
(1)

Đọc câu đối của hơn 500 năm sau, chúng ta thấy rõ sự kế thừa, đồng thời không thể phủ nhận tài năng của hậu bối phát triển câu đối đến đỉnh cao.

Thời kỳ Pháp sang xâm lược, giai đoạn chống Pháp, các sĩ phu trong phong trào Cần vương, các nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc, ngoài sang tác văn, thơ, phú - vẫn sáng tác câu đối để gửi gắm nỗi lòng mình cho người đời...

Câu đối là một loại hình văn chương có tính đặc thù.

Người sáng tác phải nắm bắt được cái thần, cốt lõi của vấn đề rồi chọn từ, sắp xếp sao cho trên nguyên tắc "Đối". Đối ý, đối chữ, đối từng đoạn, cả câu - nhằm lột tả được ý tưởng của tác giả và làm người đọc thấy hứng thú, đồng cảm. Cứ tưởng loại hình văn học này sẽ ít đi vì người biết chữ Hán - nền tảng của việc sáng tác câu đối - đang mai một.

Giới trẻ tuy có ít người học Hán văn, cũng chưa đủ sức để phát triển loại văn học hình này. Nhưng cái chính thời hiện đại quan niệm hưởng thụ nghệ thuật đã thay đổi. Hướng theo xu thế của thời đại, câu đối một mặt vẫn trụ vững bằng cách thu hút nhiều người tham gia sáng tác, thưởng thức, đồng thời trong hoàn cảnh bức xúc: "Tìm lời ra". Xuân về, Tết đến, các tờ báo đều tổ chức ra đề, xướng họa.

Trong các đợt ra về và đối về này, phải kể đến về ra của ông Tú Sốt:

Bác bôi tôi không bằng tôi bôi bác.

Đây là thủ pháp chơi chữ Quốc Ngữ thuần túy. Nắm vững nguyên tắc "bất đảo" của chữ Việt hiện đại, ông Tú Sốt đã chọn ra được 3 từ "Bác Bôi Tôi" để lập ra một ý khác sau khi đảo chỉ hai chữ thành "Tôi Bôi Bác". Kết quả của việc đảo này đã cho một tập hợp từ mới mang ý nghĩa mới - có hơi hướng, thoang thoảng giống về ra bằng hỗn hợp Hán-Nôm của nữ sĩ trứ danh Đoàn Thị Điểm: Da trắng vỗ Bì bạch!

Tiếng Việt ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam - dùng rộng rãi Đại từ nhân xưng Bác (Ngôi thứ hai số ít hoặc ngôi ở thể kính trọng), Tôi (Ngôi thứ nhất số ít). Bác nếu ở vị trí trên thang bậc của bố mẹ mình (xưng là Cháu). Bác - nếu ở vị trí ngang vai phải lứa ở tuổi trung niên tương ứng với mình (xưng là Em - thay cho con). Có lúc giới trẻ cũng "lạm dụng" dùng để xưng hô với nhau (xưng là tôi).

Bác bôi Tôi - có nghĩa là Ông, Anh, Mày (Bác) - đại từ nhân xưng ngôi thứ hai số ít làm chủ ngữ. Bôi là động từ - làm vai trò vị ngữ. Tôi là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít làm vai trò bổ ngữ trực tiếp. Đó là một câu đơn giản, hoàn chỉnh: Bác đừng bôi (bẩn) tôi, vùi dập tôi, thóa mạ tôi!...

Khi đảo vị trí hai chữ Bác-Tôi (câu đơn giản thứ 2) - cho nhau, cấu trúc văn phạm của toàn câu phức tạp không thay đổi nhưng ý nghĩa của nó đã thay đổi - Bác Bôi (bẩn) Tôi - Không thể bằng - Tôi Bôi (bẩn) Bác. Đây là lời thách đố, răn đe, cũng là lời khuyên chí tình: Ông bôi bẩn, nhục mạ tôi sẽ không thể bằng tôi nhục mạ lại ông đâu. Bởi vì Tôi là thẳng mạt hạng, là đất nung - nhưng lương thiện, có chân lý. Còn ông tự xưng là "danh giá", là "đồ sứ quý hiếm", sạch sẽ, sang trọng từ đầu đến chân nhưng ngụy quân tử, lừa đảo - chỉ vì được giấu diếm che đậy. Tôi mà bôi (bẩn), bác mới thiệt. Bác có quá nhiều thói xấu, tôi vạch ra, tôi "bôi" lên giấy, thiên hạ biết... Bác mới "Phiền", mất mặt, chẳng khác nào (tôi) lột mặt nạ của kẻ ngụy quân tử!

Bởi vậy bác đừng làm việc đại dột: Bôi bẩn người, gắp lừa bỏ tay người. "Chân mình thì cứ rề rề. Lại đi đốt đuốc soi lê chân người". Đó là việc làm xấu xa bỉ ổi của kẻ tiểu nhân!

Động từ "Bôi" chỉ hành động khi người ta cầm chiếc bút, chổi, cây cọ... bôi, quét mực, trát phẩm, sơn, vôi vữa - lên một vật nào đó (bức Tranh, khung Vải hoặc bức Tượng...) - là mặt phẳng hoặc hình khối không gian. Thậm chí kể cả cách nói cường điệu của dân gian: Bôi, trát (phân, cứt) - "lên mặt" - đối tượng...

Ghép thêm chữ Bác vào thành Bôi Bác, lúc này tập hợp từ đã chuyển sang nghĩa khác rộng hơn: Nó chẳng những có nghĩa Đen là "bôi" mà còn hàm nghĩa Bóng: Bôi bác - thóa mạ, nhục mạ danh dự đối tượng, trên phạm vi tư tưởng, nhân cách. Về ra, ngoài việc làm người đọc hứng thú vì nghệ thuật câu đối hoàn chỉnh, còn nói lên ý nghĩa xã hội, tính khái quát sâu rộng...

Hưởng ứng cuộc đối này có rất nhiều câu hay, xin chọn hai câu điển hình:

Ông Tú Xuân đối lại như sau:

Nhà Vô địch cứ sợ Địch vô nhà.

Cũng bám theo câu của vế thách đối, vế đối của ông Tú Xuân lại gọi ra cho người thưởng thức suy nghĩ trước một vấn đề xã hội khác: "Ông" luôn nói rằng ông là Nhất - "Lăm-bơ-oan", là "Vô địch thiên hạ", "Bách chiến bách thắng". Nhưng thực ra ông rất sợ Địch vào nhà. Bởi vì ông có chỗ yếu, có "Tử huyết"... Địch còn đang ở ngoài ông đã run sợ. Còn nếu Địch vào hẳn trong nhà, chúng sẽ nhắm tử huyết của ông mà đánh... ông không chống cự được - "Toi là cái chắc". Thế cho nên ông "cứ sợ"!

Thực chất ông chỉ "nói phét" chứ ông không phải là Nhà vô Địch!

Ông Tú Xuân thật thâm thúy, chua cay... Chỉ bằng 8 chữ tâm huyết của mình mà đã nói được rất nhiều, không kém gì một bài chính luận dài hàng chục trang viết!

Còn nhà thơ Hữu Loan thì đối :

Mây ăn Dân - hết nước - Dân ăn Mây.

Câu đối Việt Nam ở thời Hậu Hiện Đại không hề bị mai một!

Xuân Bính Tuất 2006